

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phượng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 28 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà *ng/ks*

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		116,263,893,044	122,834,732,584
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43,857,692,347	43,684,818,983
111	1. Tiền		25,446,803,797	20,585,167,186
112	2. Các khoản tương đương tiền		18,410,888,550	23,099,651,797
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17,000,000,000	9,500,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17,000,000,000	9,500,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18,397,891,223	26,041,774,899
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14,297,637,088	16,660,233,569
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3,805,157,663	6,033,837,980
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	3,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	295,096,472	347,703,350
140	IV. Hàng tồn kho	8	35,069,092,094	42,790,873,854
141	1. Hàng tồn kho		35,069,092,094	42,790,873,854
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1,939,217,380	817,264,848
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1,930,602,916	595,709,404
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1,440,000	177,675,076
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	7,174,464	43,880,368
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		110,118,435,949	112,357,709,563
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		86,500,000	86,500,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	86,500,000	86,500,000
220	II. Tài sản cố định		47,323,876,911	47,914,418,660
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	42,541,064,752	42,948,644,771
222	- Nguyên giá		144,985,533,914	140,477,784,249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(102,444,469,162)	(97,529,139,478)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4,782,812,159	4,965,773,889
228	- Nguyên giá		7,138,980,488	7,138,980,488
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,356,168,329)	(2,173,206,599)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	34,042,916,643	35,004,253,407
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18,414,055,546)	(17,452,718,782)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1,065,554,594
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1,065,554,594
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	13,824,482,273	12,256,599,876
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		13,702,153,073	12,134,270,676
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		14,840,660,122	16,030,383,026
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14,840,660,122	16,030,383,026
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		226,382,328,993	235,192,442,147

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016*
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23,930,335,188	31,553,946,181
310	I. Nợ ngắn hạn		22,830,335,188	24,453,946,181
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4,953,839,898	8,553,862,325
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1,986,492,461	1,722,121,708
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1,336,758,530	1,057,573,540
314	4. Phải trả người lao động		2,057,508,638	1,895,195,889
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		61,697,500	65,849,112
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	2,566,884,400	25,009,400
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2,929,348,606	2,916,610,776
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	6,875,250,950	8,217,723,431
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		62,554,205	-
330	II. Nợ dài hạn		1,100,000,000	7,100,000,000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	1,100,000,000	7,100,000,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		202,451,993,805	203,638,495,966
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	202,451,993,805	203,638,495,966
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1,758,775,074	1,477,656,109
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10,831,570,848	12,299,191,974
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		8,294,751,504	6,287,810,580
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		2,536,819,344	6,011,381,394
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226,382,328,993	235,192,442,147


Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởngHoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	59,944,621,849	65,255,481,234
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	33,196,112	574,263,110
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		59,911,425,737	64,681,218,124
11	4. Giá vốn hàng bán	22	49,403,349,036	57,164,860,736
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10,508,076,701	7,516,357,388
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1,205,300,386	1,059,305,186
22	7. Chi phí tài chính	24	504,671,263	379,506,008
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		131,292,578	150,376,840
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,567,882,397	446,967,343
25	9. Chi phí bán hàng	25	2,284,730,252	1,530,022,128
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7,733,386,634	4,994,705,534
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,758,471,335	2,118,396,247
31	12. Thu nhập khác		17,500,702	1,185,000
32	13. Chi phí khác		17,600,629	5,222,539
40	14. Lợi nhuận khác		(99,927)	(4,037,539)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,758,371,408	2,114,358,708
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	221,552,064	88,576,129
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,536,819,344	2,025,782,579
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2,536,819,344	2,025,782,579
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	442	374

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập
 TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2016

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ6 tháng đầu năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,758,371,408	2,114,358,708
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6,059,628,178	5,603,519,082
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		56,434,855	49,057,391
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,627,882,014)	(1,395,097,730)
06	- Chi phí lãi vay		131,292,578	150,376,840
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6,377,845,005	6,522,214,291
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4,872,925,700	(1,339,924,084)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7,721,781,760	6,260,911,831
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(530,736,418)	2,252,542,501
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(145,170,608)	(2,395,542,564)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(131,292,578)	(150,376,840)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(192,545,180)	(350,000,000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(161,626,093)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17,972,807,681	10,638,199,042
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3,442,195,071)	(770,352,975)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17,000,000,000)	(5,000,000,000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12,500,000,000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		824,999,617	1,042,130,387
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7,117,195,454)	(4,728,222,588)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		7,567,677,374	16,544,101,186
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14,925,330,128)	(20,758,530,400)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3,325,187,160)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10,682,839,914)	(4,214,429,214)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		172,772,313	1,695,547,240

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2016**
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		43,684,818,983	31,880,002,460
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		101,051	661,101
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>43,857,692,347</u>	<u>33,576,210,801</u>





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 61,725,230,000 đồng; tương đương 6,172,523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Tổng số Công ty con:**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 03 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

(*) Ngày 21/12/2015, Công ty Cổ Phần Văn hóa Tân Bình - Chủ sở hữu của Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đã ban hành Quyết định số 58/2015/QĐGT về việc phê duyệt quyết định giải thể Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt. Lý do giải thể Công ty hoạt động kém hiệu quả, không mở rộng được hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh. Đến thời điểm 30/06/2016, Công ty đang hoàn tất các thủ tục còn lại với các cơ quan chức năng để tiến hành giải thể Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt.

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và Chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán .

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	14,287,293,668	12,992,246,193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11,159,510,129	7,592,920,993
Các khoản tương đương tiền	18,410,888,550	23,099,651,797
	<u>43,857,692,347</u>	<u>43,684,818,983</u>

Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,0 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000
	17,000,000,000	17,000,000,000	9,500,000,000	9,500,000,000

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối kỳ là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối kỳ lần lượt là 12.134.270.676 đồng và 13.702.153.073 đồng.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	122,329,200	-	122,329,200	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2,799,231,391	2,746,620,838
Công ty Rei&rei	919,153,986	-
Công Ty Cổ Phần Xúc Tiến Đông Tây	172,319,400	562,763,300
Công ty TNHH phim Ánh sáng xanh	912,036,125	632,950,010
Các khoản phải thu khách hàng khác	9,494,896,186	12,717,899,421
	14,297,637,088	16,660,233,569
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	359,022,568	405,257,557
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Borouge pte Ltd co	-	-	1,322,417,250	-
Iwerks	-	-	785,600,000	-
Entertainment inc.				
LED Display	2,753,482,766	-	2,638,198,694	-
Sourcing (HK) Co. Ltd				
Trả trước cho người bán khác	1,051,674,897	-	1,287,622,036	-
	3,805,157,663	-	6,033,837,980	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	235,000,000	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1,844,975	-	46,272,437	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	223,200	-	2,127,120	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	99,200	-	297,820	-
Phải thu khác	57,929,097	-	299,005,973	-
	295,096,472	-	347,703,350	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	86,500,000	-	86,500,000	-
	86,500,000	-	86,500,000	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21,000,526,313	-	26,495,305,033	-
Công cụ, dụng cụ	1,646,108,466	-	1,750,940,172	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,807,803,927	-	605,531,093	-
Thành phẩm	8,638,954,650	-	12,242,424,860	-
Hàng hoá	1,975,698,738	-	1,696,672,696	-
	35,069,092,094	-	42,790,873,854	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	26,612,767,972	104,283,446,172	8,107,594,135	1,271,054,625	202,921,345	140,477,784,249
- Mua trong kỳ	-	-	1,245,790,909	87,865,000	-	1,333,655,909
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,393,174,901	1,780,918,855	-	-	-	3,174,093,756
Số dư cuối kỳ	28,005,942,873	106,064,365,027	9,353,385,044	1,358,919,625	202,921,345	144,985,533,914
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15,756,618,941	74,665,127,876	6,318,486,931	627,678,382	161,227,348	97,529,139,478
- Khấu hao trong kỳ	862,689,193	3,569,095,377	333,454,811	144,777,399	5,312,904	4,915,329,684
Số dư cuối kỳ	16,619,308,134	78,234,223,253	6,651,941,742	772,455,781	166,540,252	102,444,469,162
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10,856,149,031	29,618,318,296	1,789,107,204	643,376,243	41,693,997	42,948,644,771
Tại ngày cuối kỳ	11,386,634,739	27,830,141,774	2,701,443,302	586,463,844	36,381,093	42,541,064,752
<i>Trong đó:</i>						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			12,187,353,166	đồng		

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	901,095,395	7,138,980,488
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	901,095,395	7,138,980,488
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,531,456,798	641,749,801	2,173,206,599
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	108,256,522	182,961,730
Số dư cuối kỳ	1,606,162,006	750,006,323	2,356,168,329
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,706,428,295	259,345,594	4,965,773,889
Tại ngày cuối kỳ	4,631,723,087	151,089,072	4,782,812,159

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2016 là 18.414.055.546 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 961.336.764 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	344,993,503	487,169,559
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,585,609,413	108,539,845
	1,930,602,916	595,709,404
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	798,378,495	914,163,648
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	288,456,679	344,287,003
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	200,368,830	325,768,896
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	782,510,140	170,330,618
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	12,258,131,554	13,323,266,289
Chi phí in sổ hướng dẫn sử dụng	189,522,219	638,088,896
Chi phí trả trước dài hạn khác	323,292,205	314,477,676
	14,840,660,122	16,030,383,026

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Gulf polymers Distribution Company	-	-	1,989,810,900	1,989,810,900
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ Lê Trần	305,150,208	305,150,208	395,362,550	395,362,550
- Symphony Environmental limited	422,940,000	422,940,000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Vinh Mỹ	334,691,500	334,691,500	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	3,891,058,190	3,891,058,190	6,168,688,875	6,168,688,875
	4,953,839,898	4,953,839,898	8,553,862,325	8,553,862,325

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	776,101,418	4,232,242,143	3,933,518,749	-	1,074,824,812
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	127,476	-	83,345,442	83,345,442	127,476	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	187,670,298	221,552,064	192,545,180	-	216,677,182
Thuế Thu nhập cá nhân	43,752,892	93,801,824	129,020,641	140,860,025	7,046,988	45,256,536
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2,566,008	2,566,008	-	-
Các loại thuế khác	-	-	68,436,239	68,436,239	-	-
	43,880,368	1,057,573,540	4,737,162,537	4,421,271,643	7,174,464	1,336,758,530

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	2,566,884,400	25,009,400
	<u>2,566,884,400</u>	<u>25,009,400</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	12,885,300	10,713,202
- Bảo hiểm xã hội	43,494,458	-
- Bảo hiểm y tế	6,177,606	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4,148,142	-
- Phải trả tiền đặt cọc thuê mặt bằng	1,483,472,552	1,499,472,552
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	124,312,580	7,297,200
- Quỹ phải trả người lao động	1,199,909,942	1,390,553,942
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	54,948,026	8,573,880
	<u>2,929,348,606</u>	<u>2,916,610,776</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

17 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	5,461,275,431	5,461,275,431	7,582,857,647	6,168,882,128	6,875,250,950	6,875,250,950
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh	2,756,448,000	2,756,448,000	-	2,756,448,000	-	-
	8,217,723,431	8,217,723,431	7,582,857,647	8,925,330,128	6,875,250,950	6,875,250,950
b) Vay dài hạn						
- Vay cá nhân (2)	7,100,000,000	7,100,000,000	-	6,000,000,000	1,100,000,000	1,100,000,000
	7,100,000,000	7,100,000,000	-	6,000,000,000	1,100,000,000	1,100,000,000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7,100,000,000	7,100,000,000			1,100,000,000	1,100,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng

- (1) Hợp đồng tín dụng số 0347/TaB1/14LD ngày 03 tháng 09 năm 2015, và Hợp đồng tín dụng số 277/TBN-KDN/16NH ngày 27 tháng 05 năm 2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ 4 đến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 30/06/2016 là 0,33%/tháng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 6.875.250.950 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay cá nhân

- (2) Các khoản vay cá nhân không tính lãi suất, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay từ 2 tháng đến 3 năm, hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp, tổng số dư vay tại thời điểm 30/06/2016 là 1.100.000.000 đồng trong đó số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới là 0 đồng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	30/06/2016		01/01/2016	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay	1,100,000,000	-	7,100,000,000	-
Ông Hoàng Minh				
Anh Tú ⁽¹⁾	1,100,000,000	-	4,300,000,000	-
Ông Hoàng Minh				
Anh Tài ⁽²⁾	-	-	2,800,000,000	-
	1,100,000,000	-	7,100,000,000	-

Ghi chú:

(1) Tổng Giám đốc

(2) Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	3,396,916,247	-	197,627,114,572
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2,025,782,579	-	2,025,782,579
Số dư cuối kỳ trước	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	5,422,698,826	-	199,652,897,151
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	12,299,191,974	-	203,638,495,966
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,536,819,344	-	2,536,819,344
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	281,118,965	(4,004,440,470)	-	(3,723,321,505)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	10,831,570,848	-	202,451,993,805

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ ngày 14 tháng 04 năm 2016, Công ty mẹ công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận còn lại được phân phối năm 2015	4,345,791,866
Trích Quỹ đầu tư phát triển	281,118,965
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	281,118,965
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	3,442,202,540
Lợi nhuận chưa phân phối	341,351,396

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Các cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.05%	4,358,140,000	7.05%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	58,480,640,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	61,725,230,000	58,480,640,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	61,725,230,000	58,480,640,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3,442,202,540	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	3,442,202,540	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,758,775,074	1,477,656,109
	1,758,775,074	1,477,656,109

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	883	16,993

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	31,965,525,283	39,192,010,208
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27,979,096,566	26,063,471,026
	59,944,621,849	65,255,481,234
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	1,571,771,239	937,846,559

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	13,077,312	-
Hàng bán bị trả lại	20,118,800	128,527,510
Giảm giá hàng bán	-	445,735,600
	33,196,112	574,263,110

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	30,841,099,799	35,830,198,017
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18,562,249,237	21,334,662,719
	49,403,349,036	57,164,860,736

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	824,999,617	541,956,012
Cổ tức, lợi nhuận được chia	235,000,000	406,174,375
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	145,300,769	111,174,799
	1,205,300,386	1,059,305,186

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	131,292,578	150,376,840
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	316,943,830	180,071,777
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	56,434,855	49,057,391
	504,671,263	379,506,008

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	940,256,142	806,342,220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211,147,623	258,057,373
Chi phí khác bằng tiền	1,133,326,487	465,622,535
	2,284,730,252	1,530,022,128

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167,159,351	98,794,941
Chi phí nhân công	4,119,870,693	2,903,950,634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	788,577,623	701,675,789
Thuế, phí, lệ phí	63,992,702	69,272,443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,156,387,850	450,946,109
Chi phí khác bằng tiền	1,437,398,415	770,065,618
	7,733,386,634	4,994,705,534

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	221,552,064	88,576,129
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	187,670,298	270,764,823
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(192,545,180)	(350,000,000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	216,677,182	9,340,952

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2,536,819,344	2,025,782,579
Các khoản điều chỉnh	-	(101,289,129)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(101,289,129)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,536,819,344	1,924,493,450
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,736,709	5,412,250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	442	374

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25,116,081,406	29,336,742,070
Chi phí nhân công	10,614,390,833	6,911,757,382
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,059,628,178	5,603,519,082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,213,095,166	4,944,753,324
Chi phí khác bằng tiền	3,598,996,398	1,288,046,066
	51,602,191,981	48,084,817,924

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,857,692,347	-	43,684,818,983	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,679,233,560	-	17,094,436,919	-
Các khoản cho vay	17,000,000,000	-	12,500,000,000	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	75,659,255,107	-	73,401,585,102	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	7,975,250,950	15,317,723,431
Phải trả người bán, phải trả khác	7,883,188,504	11,470,473,101
Chi phí phải trả	61,697,500	65,849,112
	15,920,136,954	26,854,045,644

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,857,692,347	-	-	43,857,692,347
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14,592,733,560	86,500,000	-	14,679,233,560
Các khoản cho vay	17,000,000,000	-	-	17,000,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<u>75,450,425,907</u>	<u>208,829,200</u>	<u>-</u>	<u>75,659,255,107</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,684,818,983	-	-	43,684,818,983
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,007,936,919	86,500,000	-	17,094,436,919
Các khoản cho vay	12,500,000,000	-	-	12,500,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	<u>73,192,755,902</u>	<u>208,829,200</u>	<u>-</u>	<u>73,401,585,102</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	6,875,250,950	1,100,000,000	-	7,975,250,950
Phải trả người bán, phải trả khác	7,883,188,504	-	-	7,883,188,504
Chi phí phải trả	61,697,500	-	-	61,697,500
	14,820,136,954	1,100,000,000	-	15,920,136,954
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	8,217,723,431	7,100,000,000	-	15,317,723,431
Phải trả người bán, phải trả khác	11,470,473,101	-	-	11,470,473,101
Chi phí phải trả	65,849,112	-	-	65,849,112
	19,754,045,644	7,100,000,000	-	26,854,045,644

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC Kỳ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	31,932,329,171	27,979,096,566	59,911,425,737
Chi phí bộ phận trực tiếp	30,841,099,799	18,562,249,237	49,403,349,036
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1,091,229,372	9,416,847,329	10,508,076,701
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	4,507,749,665	4,507,749,665
Tài sản bộ phận trực tiếp	120,660,040,368	105,722,288,625	226,382,328,993
Tổng tài sản	120,660,040,368	105,722,288,625	226,382,328,993
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	12,754,684,620	11,175,650,568	23,930,335,188
Tổng nợ phải trả	12,754,684,620	11,175,650,568	23,930,335,188

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 17.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu		1,571,771,239	937,846,559
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1,571,771,239	937,846,559
Cổ tức lợi nhuận được chia		235,000,000	376,000,000
Công ty CP In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	235,000,000	376,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		359,022,568	405,257,557
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	359,022,568	405,257,557
Phải thu khác		235,000,000	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	235,000,000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2016	2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	559,930,000	599,902,810

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2016